

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 2. Quy định cụ thể nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục:

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, chọn đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017.

2. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly

a) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách: Mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017.

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017.

3. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi, giáo viên và học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia, chọn đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017.

4. Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND ngày 19/07/2019.

5. Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi cấp tỉnh (*khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8*): Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực. (*Có Phụ lục chi tiết kèm theo*)

6. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Hội thao giáo dục quốc phòng, an ninh; Kỳ thi nghề phổ thông và các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh khác: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng quy định tại Khoản 5 Điều này và được tính bằng 80% định mức tương ứng.

7. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 70% định mức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

8. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường/trung tâm theo quy định: Hiệu trưởng/Giám đốc tổ chức xây dựng mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi nhưng không được vượt quá 70% mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

Điều 3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Đắk Nông;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục
MỘT SỐ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI
ÁP DỤNG TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Đắk Nông)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tiền công cho các chức danh		
1.1	<i>Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	830
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	750
c	Phó Chủ tịch/Phó ban	Người/ngày	680
d	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	600
e	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	450
1.2	<i>Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	830
b	PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	750
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	600
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	450
e	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	450
1.3	<i>Thành viên Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	900
c	Phó Trưởng ban		830
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	600
e	Nhân viên phục vụ		450
1.4	<i>Hội đồng thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	900

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	830
c	Ủy viên		600
1.5	<i>Thành viên Ban Thư ký (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	830
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	750
c	Ủy viên	Người/ngày	600
1.6	<i>Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	830
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	750
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	680
d	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	Người/ngày	600
e	Công an, bảo vệ	Người/ngày	450
1.7	<i>Thành viên Ban/Tổ làm phách</i>		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	830
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	750
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	600
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	450
1.8	<i>Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi:</i> Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	830
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	750
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	680

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
d	Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	600
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	450
1.9	<i>Thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp THCS/THPT</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	830
b	P. Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	750
c	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	600
2	Tiền công ra đề thi		
2.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Các thành viên	Người/ngày	600
2.1	<i>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</i>		
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Đề	500
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	700
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	1.000
2.2	<i>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm</i>		
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Người/ngày	600
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	700
c	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	800
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
3.1	<i>Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm</i>		
3.2	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
a	Chủ trì	Người/ngày	600
b	Thành viên	Người/ngày	500
3.3	<i>Tiền công đối với câu hỏi</i>		
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	70
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	60
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	50
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10
3.4	<i>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Thành viên	Người/ngày	600
4	Tiền công chấm thi: <i>Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm;</i> <i>Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm</i> (<i>Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi:</i> <i>- Kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia: tối đa 20 bài/người/ngày</i> <i>- Kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đầu cấp: tối đa 30 bài/người/ngày</i>)		
4.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Người/ngày	500
4.2	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	600
4.3	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	700
4.4	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	800
5	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi		
5.1	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh</i>		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	200
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	900
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1.000
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	500
5.2	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</i>		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1.400
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1.500
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	600
6	Tiền công thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông		
6.1	<i>Tiền công cho Ban tổ chức, Ban giám khảo</i>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	830
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	750
c	Ủy viên	Người/ngày	600
d	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	450
6.2	<i>Tiền công cho Hội đồng thẩm định</i>		
a	Chủ tịch	Người/ngày	830
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	750
c	Ủy viên	Người/ngày	600
7	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	830
b	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	500
c	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	600